



TÌNH HÌNH QUẢNG CHÂU SAU CUỘC NỔI DẬY CỦA NÙNG TRÍ CAO

Morita Kentaro *

Bài viết này khảo sát về một giai đoạn lịch sử chi phối vùng Lĩnh Nam của nhà Tống sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao.

Vùng Lĩnh Nam từ Nam Việt đến thời Đường là phạm vi bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam hiện nay. Nhưng sau thế kỷ X, chính quyền độc lập xuất hiện liên tiếp và xây dựng nhà nước riêng ở miền Bắc Việt như nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê và nhà Lý. Do vậy, nhà Tống bình định nước Nam Hán mà không chiếm được miền Bắc Việt Nam. Sau đó nhà Tống trải qua cuộc xâm lược thất bại năm 980, mới thừa nhận chính quyền Đại Cồ Việt.

Đến thời nhà Lý, thế lực ấy dần dần bành trướng đến lưu vực Tả Giang, Hữu Giang, và có ảnh hưởng đến các thế lực sống ở lưu vực đó. Đến thời Tống Nhân Tông, Nùng Trí Cao là một thủ lĩnh thế lực ở châu Quảng Nguyên, tiếp sức với cả nhà Lý lẫn nhà Tống để giữ thế lực riêng. Nhưng đến năm 1052, vì không những phải đối diện với nhà Lý mà còn bị nhà Tống cự tuyệt khi nộp cống, Nùng Trí Cao khởi binh, trước hết đánh chiếm Ung Châu, rồi xưng là Nhân Huệ hoàng đế, lập nước Đại Nam và đổi niên hiệu là Khải Lịch. Cuối cùng, mặc dù không chiếm được thành Quảng Châu và thua quân Tống do Địch Thanh thống lĩnh, nhưng cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao không chỉ lan rộng khắp vùng Lĩnh Nam mà còn bộc lộ sự yếu kém trong khả năng chi phối Lĩnh Nam của nhà Tống.

Quảng Châu vừa là trung tâm chi phối Lĩnh Nam, vừa là hải cảng quan trọng nhất của nhà Tống về ngoại thương Nam Hải, và tất cả sản vật vùng Lĩnh Nam tập trung ở đó. Nhưng Quảng Châu đã bị quân Nùng Trí Cao phá huỷ một cách nghiêm trọng mặc dù không đánh chiếm được.

* Trường Đại học Waseda, Nhật Bản.

Thành Quảng Châu có rất nhiều truyền thuyết liên quan tới Nùng Trí Cao. Trong bài viết này, bằng những truyền thuyết đó, tôi sẽ khảo sát về những đặc điểm trong quá trình khôi phục thành Quảng Châu và quan hệ giữa sự khôi phục Quảng Châu và bang giao Việt – Tống.

1. Sự vây thành Quảng Châu và tín ngưỡng Nam Hải thần

Ngày Quý Sửu tháng 5 năm 1052, Nùng Trí Cao đem quân từ Ung Châu tiến sang phía đông và chiếm được các thành châu bên sông Úc là châu Hoàn, Quý, Cung, Tầm, Đằng, Ngô, Phong, Khang, Đoạn và đến dưới thành Quảng Châu trong vòng 2 tuần. Sở dĩ vậy là vì các châu ở Quảng Nam lộ như trên đều không có binh lực đầy đủ để chống lại. Cho nên hầu hết Tri châu đều bỏ thành trốn, trừ 2 Tri châu của Phong và Khang. Từ ngày Bính Dần, Nùng Trí Cao đã bắt đầu vây đánh thành Quảng Châu. Nhưng 57 ngày mà không hạ được thành nên Nùng Trí Cao phải rút về Quảng Tây.

Theo các tài liệu Trung Quốc, lý do mà Quảng Châu không bị quân Nùng Trí Cao hạ thành là nhờ Ngụy Quán, làm Tri châu năm 1045, gia cố thành trì theo sáng kiến của Nhậm Trung Sư, là Tri châu Quảng Châu thời kỳ trước. *Tục tư trị thông giám trường biên* (viết tắt là *TB*) chép rằng “Đầu tiên Ngụy Quán xây thành Quảng Châu, đào giếng để tích trữ nước, làm nỏ to cho [việc] hộ thành. Mặc dù quân Nùng Trí Cao đánh thành một cách nghiêm trọng, thậm chí chắn nước vào thành, nhưng thành vẫn kiên cố, nước giếng không hết, nỏ bắn thì trúng, trúng thì xuyên qua, do vậy thế lực địch dần dần yếu đi”¹. Nhưng khi đó thành Quảng Châu vẫn hẹp, hơn nữa không có la thành. Vì thế, khi quân Nùng Trí Cao đi dưới thành, vô số cư dân ở bên ngoài thành đều muốn vào thành bằng cách hồi lộ, rất nhiều người không thể vào được đã gia nhập đội ngũ quân Trí Cao².

Sau khi Nùng Trí Cao rút về, Ngụy Quán làm tri Quảng Châu lại và Nguyên Giáng là Quảng Đông chuyển vận sứ cùng tu bổ thành trì để chống lại nguy cơ quân Nùng Trí Cao sang lại. Theo *Tống hội yếu tập cáo* (viết tắt là *THY*) chép, Ngụy Quán và Nguyên Giáng đã tuyển mộ các phú hộ và đinh nam cả Hán lẫn Ngoại Man để làm công trình xây thành³.

Sau đó, nhà Tống không chỉ tu bổ thành mà còn tích cực phổ biến tín ngưỡng một vị thần ở Quảng Châu, đó là “Nam Hải Quảng Lợi vương”, tên tắt là “Nam Hải thần”. Năm 1053, nhà Tống phong cho vị thần ấy thêm hiệu là “Thiếu Thuận” vì có linh nghiệm cho việc chống lại Nùng Trí Cao⁴. Theo văn khắc *Hoàng Hưu ngũ niên điệp* (đó là bia kỷ niệm cho phong hiệu thêm đó) chép rằng, Nguyên Giáng nghe những người Quảng Châu nói là do Nùng Trí Cao đến Quảng Châu muộn vì đột ngột bị bão trên đường từ Đoạn Châu đến Quảng Châu nên mới có thời gian chuẩn bị bảo vệ thành. Đến khi bao vây thành, Nùng Trí Cao vẫn không thể tổ chức tiến công được vì bão, nhưng ngược lại, trong thành người ta có thể giải thoát được nạn thiếu nước uống. Hơn nữa khi Quảng Châu gặp nguy cơ, thiên

biển cũng nổ ra và khiến cho Nùng Trí Cao hoảng sợ và rút về. Nguyên Giáng tin tưởng rằng tất cả linh nghiệm của Nam Hải thần nói trên không những là nhờ tất cả quan viên và nhân dân Quảng Châu cầu khẩn mà còn nhờ Tống Nhân Tông rất quan tâm đến phương Nam, và nài xin triều đình phong cho Nam Hải thần và vợ của Nam Hải thần thêm hiệu⁵.

Các quan viên và nhân dân Quảng Châu cầu nguyện Nam Hải thần là vì đây vừa là vị thần bảo vệ hàng hải gần gũi nhất đối với người Quảng Châu, vừa là vị thần chủ quản an ninh phương Nam đối với các vương triều phong kiến Trung Quốc. Đòi nhà Tống, bất cứ tàu biển nào đi lại qua Quảng Châu, dù là tàu nước ngoài cũng phải đến miếu và thờ Nam Hải thần, thậm chí các quan viên cũng vậy.

Đến thời Gia Hựu (1056 – 1063), tín ngưỡng Nam Hải thần vẫn thịnh đạt. Năm 1063, miếu Nam Hải thần do Dư Tĩnh là tri Quảng Châu xây dựng lại. Dư Tĩnh là người Thiệu Châu có công lao trong cuộc chiến với Nùng Trí Cao. Văn khắc *Trùng tu Nam Hải miếu bi* chép rằng, khi quân Quảng Nguyên xâm lược, nhiều người dân bị chết và lưu lạc nên chiến tranh đã kết thúc, sau đó về quê rồi mà người dân không thu hoạch được nhiều như trước. Nhưng đến mùa thu năm 1062 thì thời tiết ổn định, được mùa, không có dịch bệnh, trên biển không có bão, trong 9 huyện và 15 châu chỗ nào cũng không bị trộm cướp. Vì thế người dân cho rằng đó là nhờ chính trị của phủ soái (Dư Tĩnh) và linh nghiệm của Nam Hải thần. Họ kính cẩn yêu cầu đầu tư và xây dựng lại miếu thờ Nam Hải thần, để đáp lễ cho tất cả sự linh nghiệm của vị thần đó. Dư Tĩnh cũng rất đồng lòng⁶.

Như vậy, có thể nói là qua mười năm sau sự kiện Nùng Trí Cao, triều đình Tống và người Quảng Châu vẫn tôn sùng Nam Hải thần để cho khu vực Quảng Đông khôi phục lại và bình yên.

Tóm lại, do cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao, nhà Tống tán dương sự linh nghiệm của Nam Hải thần và xây lại miếu thần để lấy lòng người Quảng Châu.

2. Sự phát triển thành Quảng Châu trong thời Hy Ninh

Trong thời Hy Ninh (1068 – 1077), nhà Tống tiến hành xây dựng lại ở Quảng Châu. Đó là việc xây dựng thành trì, châu học và quán Thiên Khánh.

2.1. Xây rộng châu thành

Sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao, nhà Tống lệnh cho tri Quảng Châu xây dựng la thành. Nhưng trong nhiều năm các tri châu không xây được la thành vì trong đất của Quảng Châu có nhiều vỏ hến, không thích hợp với việc xây dựng.

Nhưng ngày 23 tháng 4 năm 1068, Lữ Cư Giản, là tri Quảng Châu trước, đề nghị xây dựng thành mới ở địa thành xưa, liên kết với bên đông “Thành Tử”. Địa

thành xưa là một bộ phận của thành Việt do Triệu Đà nước Nam Việt xây dựng. Vì thế, đến cuối năm ấy thành mới được xây dựng, đó là “Đông Thành”⁷.

Sau đó, tháng 10 năm 1072, Trình Sư Mạnh là tri Quảng Châu xây dựng thành mới thứ hai, đó là “Tây Thành”. Sự nghiệp đó không chỉ do tri Quảng Châu và Giám ty Quảng Đông cùng làm mà còn do triều đình sai người xây thành giỏi đến trợ giúp⁸. Như vậy, có thể nhận xét được là sự nghiệp xây rộng thành Quảng Châu là sự việc quan trọng nhất đối với nhà Tống. Thành Quảng Châu được mở rộng quy mô từ cuộc chiến với Nùng Trí Cao, và trở thành một ngôi thành lớn, bao gồm 3 ngôi thành nhỏ (Thành Tử, Đông Thành và Tây Thành).

Hơn nữa theo *THY* chép, Tân Ấp Đà La là sứ nộp cống của nước Vật Tuấn Đại Thực, muốn hiến tiền bạc để giúp cho sự nghiệp xây lại thành Quảng Châu và xin cho phép làm quan “Phiên Trường”. Và triều đình trả lời là không cự tuyệt, việc Tân Ấp Đà La hiến tiền còn việc làm Phiên Trường thì tùy Quảng Châu xét đoán⁹. Như thế, sự nghiệp xây thành không chỉ nhà Tống tích cực tổ chức mà còn nhiều người Phiên ở Quảng Châu cũng rất quan tâm và muốn cùng tham gia.

2.2. Thiết lập châu học

Châu học là một trường học quốc lập ở các châu của nhà Tống. Năm 1044, Tống Nhân Tông ra chiếu chỉ cho các châu trong khắp nước xây trường. Châu học Quảng Châu được coi là một trung tâm quan trọng giáo hoá các sỹ phu Quảng Châu nhằm mục đích tăng thêm tiến sỹ và khiến cho văn hoá Nho giáo được phổ biến rộng rãi. Vì thế châu học Quảng Châu có quan hệ mật thiết với sự chi phối vùng Lĩnh Nam của nhà Tống.

Châu học Quảng Châu đầu tiên được thiết lập ở miếu Phu tử, miếu này ở chợ Phiên, phía tây của Thành Tử. Nhưng miếu đó không rộng lắm nên không thể thu dụng được nhiều môn sinh. Năm 1050, Điền Du là tri Quảng Châu chuyển trường sang phía đông nam của Thành Tử. Đến đầu năm Hy Ninh (1068) vì sự nghiệp xây lại Đông Thành, châu học mới có kế hoạch xây dựng ở phía tây của Thành Tử, bên đông của chùa Quốc Khánh. Nhưng vì Tri châu Trương Điền đột nhiên qua đời nên công việc xây trường bị trì hoãn. Sau đó Lưu Phú là người Quảng Châu, tự đầu tư kế thừa việc xây dựng nhưng Quảng Đông chuyển vận sứ là Trần An Đạo không cho phép và cấp tiền tiếp tục xây trường, đến năm 1071 thì làm xong. Trình Sư Mạnh là quan tri châu đã tích cực miệt mài quảng bá châu học và giáo hoá sỹ phu¹⁰.

Về người Quảng Châu tên Lưu Phú nêu trên, *Học điền ký* chép rằng, trong khi Trình Sư Mạnh làm Tri châu, Lưu Phú đang làm quan chức Thí tương tác giám chủ bộ. Lưu Phú nói với Trình Sư Mạnh: “Tôi có đất ở bên cạnh thành rất tốt, tôi đã xây lại nhà cửa và kho hàng ở đấy, tiền đã mất tất cả là 1 triệu 5 trăm nghìn, xin cho phép tôi hiến tất cả cho kinh doanh châu học”. Trình Sư Mạnh đã đồng ý¹¹.

Ngoài ra, các cuốn địa phương chí cũng lập truyện cho Lưu Phú. Theo các tài liệu, Lưu Phú từng là tiến sỹ của kỳ thi Hương được tổ chức thời Chí Hoà (1054 – 1056)¹². Còn theo *TB chép*, năm 1076 nhà Tống ra chiếu sai sứ đến Chiêm Thành và Chân Lạp nhằm mục đích khiến cho hai nước này phối hợp cùng Tống tấn công nhà Lý. Triều Tống cho Hứa Ngạn Tiên và Lưu Sơ tuyển bổ vài người làm ngoại thương để tổ chức đoàn ngoại giao thì Lưu Phú đã làm sứ đến Chân Lạp¹³. Vì vậy, lý lịch của Lưu Phú rất phong phú và đáng chú ý.

Ngoài ra, thời kỳ Trình Sư Mạnh làm Tri châu, Tân Ấp Đà La cũng yêu cầu xây dựng nhà trường cho người Phiên¹⁴. Đời nhà Tống đã có kinh nghiệm xây dựng trường học như vậy ở biên giới với nước Tây Hạ. Trường có một giáo sư thông thạo ngôn ngữ và chữ viết của khu vực đó giảng dạy kinh thư và kinh Phật¹⁵. Phiên học của Tân Ấp Đà La là Phiên học đầu tiên ở Quảng Châu.

2.3. *Xây lại quán Thiên Khánh*

Quán Thiên Khánh là một ngôi quán quốc lập, bắt đầu xây dựng từ năm 1009, Tống Chân Tông ra chiếu xây dựng quán đó trong khắp nước. Quán Thiên Khánh tại Quảng Châu ban đầu ở phía tây nam bên ngoài Thành Tử nhưng bị quân Nùng Trí Cao phá huỷ¹⁶. Văn bia *Quảng Đông trùng tu Thiên Khánh quán ký* chép rằng “Hoàng Hựu năm thứ 4 (1052), quân Nùng Quảng Nguyên [nhân quân Tống] không có phòng bị, đi theo sông đến Phiên Ngung – Quảng Châu – một cách thâm vụng, ở ngoài Thành Tử, ngôi điện quán bị tai nạn và đã hoàn toàn cháy thành tro tàn. Hoang phế như vậy thì ai có thể xây lại, nếu một người không phải là người giàu và thích theo đạo, chăm chỉ cầu phúc thì ai dám quan tâm đến đó?”¹⁷.

Mặc dù vậy, theo văn bia *Quảng Đông trùng tu Thiên Khánh quán ký* chép tiếp, trong thời kỳ Trị Bình (1064 – 1067), sứ giả của Địa Hoa Ca La, là “Địa chủ đô thủ lĩnh” của nước Tam Phật Tề Chu Liên Quốc, đi thấy địa điểm quán đó và báo cho Địa Hoa Ca La biết. Địa Hoa Ca La bất ngờ muốn tôn sùng Đạo giáo, đến năm 1067, Địa Hoa Ca La sai sứ đến Quảng Châu và được cho phép, sau đó bắt đầu tiến hành xây dựng lại quán. Còn *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* có một truyện lạ về quá trình mà Địa Hoa Ca La muốn tôn sùng Đạo giáo. Theo truyện đó, khi mà tàu sứ giả bị đắm vì bão thì một ông lão xuất hiện giữa mây và bình định sóng gió. Khi đến Quảng Châu, sứ giả đi qua quán Thiên Khánh thì bất ngờ phát hiện một bức tượng của Lão Tử, giống như đúc với ông lão ấy. Đến năm 1079, việc xây dựng hoàn tất thì văn bia trên được làm¹⁸.

Dù truyện đó là sự thật hay không, sự việc xây dựng quán Thiên Khánh chắc chắn là có ảnh hưởng tốt cho nhà Tống đối với Địa Hoa Ca La. Sở dĩ vậy là vì quán Thiên Khánh vốn là di tích tín ngưỡng quan trọng nhất trong thành Quảng Châu đối với nhà Tống. Trải qua việc xây lại quán Thiên Khánh, Địa Hoa Ca La chắc chắn tạo được mối quan hệ mật thiết với nhà Tống và được lợi ích nhiều, còn

theo nhà Tống, những “Man di” hoài mộ văn hoá Trung Hoa là điều tốt và rất tiện lợi cho sự tuyên bố trên khắp thế giới.

Như đã nói ở trên, dưới thời Hy Ninh, nhà Tống đã cố gắng thực hiện sự nghiệp lớn và kết quả là, Quảng Châu không chỉ chống đỡ được những vết thương do Nùng Trí Cao tấn công, mà còn phát triển mở rộng hơn so với trước. Nhưng sự kiện nào cũng đều được những người sống ở Quảng Châu quan tâm đến và tích cực tham gia, còn các quan viên Quảng Châu thì không quan tâm đến nguyện vọng của dân. Trước khi làm ba việc đó, nhà Tống đã làm một việc khác là chấn hưng tín ngưỡng Nam Hải thần như đã nói ở trên. Đó là một việc rất quan trọng của triều đình nhằm đáp ứng nguyện vọng của người Quảng Châu sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao.

Còn các sự nghiệp nói trên sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao đều có quan hệ mật thiết với người Quảng Châu về ngoại thương Nam Hải.

Lý do thứ nhất là Nam Hải thần vốn là vị thần bảo vệ an ninh hàng hải cho người Quảng Châu. Người dân đều nhớ đến sự linh nghiệm của Nam Hải thần và rất muốn triều đình xưng tụng Nam Hải thần, chấn hưng tín ngưỡng mạnh mẽ hơn trước.

Lý do thứ hai là ba nhân vật nêu trên: Lưu Phú, Tân Áp Đà La và Địa Hoa Ca La đều làm ngoại thương Nam Hải. Sở dĩ Lưu Phú được tuyển mộ làm sứ giả đến Chiêm Thành và Chân Lạp là vì Lưu Phú không chỉ là quan chức trong thời Hy Ninh, mà có lẽ còn bởi ông vốn là nhà buôn đã có kinh nghiệm đi biển Nam Hải. Tân Áp Đà La là sứ nước Vật Tuấn Đại Thực và có lẽ còn làm quan chức Phiên Trường. Địa Hoa Ca La là thủ lĩnh nước Tam Phật Tề Chu Liên Quốc.

Cho nên có thể nói là, sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao, nhờ những người làm ngoại thương Nam Hải cống hiến lớn cho sự thống trị Quảng Châu, triều đình Tống và Quảng Châu mới tổ chức thuận lợi các sự nghiệp quan trọng và làm cho tình hình ngoại thương Nam Hải ở Quảng Châu trở nên sôi nổi hơn trước.

Tóm lại, đặc điểm quan trọng nhất trong cuộc khôi phục Quảng Châu là nhà Tống gắn liền sự nghiệp này với ngoại thương Nam Hải, vì ngoại thương Nam Hải là sự nghiệp rất quan trọng đối với nhà Tống ở Quảng Châu.

3. Quan hệ giữa chính sách sai sứ sang Chiêm Thành và khôi phục của Quảng Châu

Sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao, nhà Tống nhờ sự nghiệp khôi phục Quảng Châu đã làm cho quan hệ với ngoại thương Nam Hải gắn bó mật thiết. Bởi vậy, ngoại thương Nam Hải đã phồn vinh trở lại như trước khi Nùng Trí Cao vây đánh thành Quảng Châu. Vậy thì công cuộc khôi phục Quảng Châu có vai trò gì đối với quan hệ Việt – Tống?

Do bị Nùng Trí Cao đánh chiếm, nhà Tống mới tích cực chi phối lưu vực Tả Giang và Hữu Giang một cách mạnh mẽ. Ví như việc nhà Tống huấn luyện các khe động biên giới, dụ hàng họ và dòng dõi Nùng Trí Cao nội phụ, tên là Nùng Tông Đán, Nùng Thiện Mỹ và Nùng Trí Hội. Trong hoạt động đó, năm 1060, lúc nhà Lý khiến cho Thân Thiệu Thái thống lĩnh quân đội của mình, tấn công vào Ung Châu đánh quân Tống, nhà Tống ra chiếu phong Tiêu Cố làm tri Quế Châu tổng binh, chống lại quân Giao Chỉ với Tống Hàm làm chuyển vận sứ và Lý Sư Trung làm Đề điểm hình ngục, bổ nhiệm Dư Tĩnh làm Quảng Nam Tây lộ thể lượng an phủ sứ xuất binh đánh quân Giao Chỉ. Dư Tĩnh đến Ung Châu, đề nghị tổ chức cuộc đàm phán với Giao Chỉ, sau đó Dư Tĩnh hỏi Phí Gia Hựu, Thượng thư nhà Lý về lý do xâm lấn của Thân Thiệu Thái và yêu cầu trả lại những người bị bắt trong hội đàm đó. Phí Gia Hựu biện giải nên Dư Tĩnh đã hồi lộ Hựu nhiều. Nhưng khi Phí Gia Hựu báo cáo về triều đình thì nhà Lý không đồng ý. Nhưng năm 1062, Lý Nhật Tôn báo cho nhà Tống rằng, theo Chiêm Thành cho biết, Dư Tĩnh sai sứ đến Chiêm Thành để kêu gọi tấn công vào Giao Chỉ cùng với quân Quảng Nam Tây lộ¹⁹.

Hơn nữa, trong thời Hy Ninh, tình hình quan hệ Việt – Tống ngày càng căng thẳng vì Vương An Thạch cầm quyền và muốn xâm lược Giao Chỉ. Vương An Thạch cho Lưu Di và Thẩm Khi biên chế quân khe động. Nhà Lý biết được tình hình đã cho Lý Thường Kiệt thống lĩnh quân đội và nhân khi nhà Tống không đề phòng, bất ngờ đánh Ung Châu, Khâm Châu và Liêm Châu cuối năm 1075. Nhà Tống sau đó sai Quách Quỳ tấn công xâm lược Giao Chỉ. Cuộc chiến tranh Tống – Việt rơi vào thế giằng co, đến đầu năm 1077 hai bên ký hoà ước. Trong cuộc chiến tranh đó, nhà Tống dùng thủy quân để tấn công vào Giao Chỉ, và sai sứ đến Chiêm Thành, Chân Lạp để yêu cầu cùng đánh Giao Chỉ.

Như vậy, nhà Tống thích dùng sách lược sai sứ đến Chiêm Thành để đối xử với Giao Chỉ sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao. Vậy nhà Tống đã có tin tức gì về quan hệ giữa Giao Chỉ và Chiêm Thành?

Từ nửa sau thế kỷ X, tình hình giao thông biển Nam Hải thay đổi nhiều, nhất là giữa Quảng Đông và Chiêm Thành có đường trực tiếp, không cần đi qua vùng duyên hải Giao Chỉ nữa²⁰. Vì thế, nhà Tống và Chiêm Thành, hai nước cũng có thể tránh qua Giao Chỉ và liên lạc trực tiếp với nhau được.

Từ đầu đời Tống, Chiêm Thành cũng có quan hệ triều cống với nhà Tống như Giao Chỉ. Và hầu hết hàng năm Chiêm Thành đều sai sứ đến cống ở Quảng Châu. Cho nên nhà Tống do triều cống của hai nước có thể biết được tình trạng của quan hệ giữa Giao Chỉ và Chiêm Thành. Đôi khi Giao Chỉ báo tin tức về chiến thắng đối với Chiêm Thành. Năm 981, Lê Hoàn xin cho phép hiến 93 người tù Chiêm Thành cho nhà Tống, nhà Tống cho họ ở Quảng Châu, rồi sau đó trả lại cho Chiêm Thành. Và bởi vì quan hệ Giao Chỉ mà nạn dân Chiêm Thành đã nhiều lần

sang Quảng Nam lộ²¹. Ngoài ra, năm 1045, nhà Tống biết Lý Đức Chính tuyển binh rồi cho Quảng Nam Đông lộ chuyển vận sứ tuyển người lên vào Giao Chỉ để thăm dò thực trạng, và năm sau thì nhà Tống kiểm tra tất cả 16 con đường thủy, bộ quan trọng đến Giao Chỉ và cho Đỗ Kỳ – Quảng Tây chuyển vận sứ phòng giữ các đường đó²².

Vì vậy, nhà Tống đã có tin tức về Giao Chỉ và Chiêm Thành từ khi lập nước thông qua hoạt động của Giao Chỉ. Nhưng nhà Tống thụ động chi phối vùng biên giới Lĩnh Nam và không muốn để xảy ra vấn đề ảnh hưởng đến quan hệ với Giao Chỉ, mặc dù Giao Chỉ mở rộng đến biên giới. Cho nên khi đó, nhà Tống đương nhiên không có ý khiến Chiêm Thành kiểm chế Giao Chỉ, nhưng sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao thì nhà Tống đã tích cực đối phó với Giao Chỉ và theo ý kiến của những người có công đánh Nùng Trí Cao như Dư Tĩnh.

Năm 1061, Dư Tĩnh được cử làm quan ở Quảng Châu sau khi hội đàm với Giao Chỉ. Dư Tĩnh không chỉ làm Tri châu mà còn giữ chức Kinh lược an phủ sứ, Bản lộ khuyến nông sứ, Đề cử thị bách sứ, Đề điểm bạc đồng trường công sự và Quảng Nam Đông lộ đô kiểm hạt²³. Như vậy, nhà Tống uỷ nhiệm cho Dư Tĩnh hầu hết các quyền lực thống trị Quảng Đông về chính trị, quân sự, kinh tế và ngoại thương.

Mặc dù chỉ có một số tài liệu viết về sự nghiệp của Dư Tĩnh ở Quảng Châu, nhưng qua sự kiện tiếp xúc với Chiêm Thành và trùng tu Nam Hải thần miếu, có thể thấy Dư Tĩnh chắc chắn có quan tâm nhiều đến giao thông ở Nam Hải. Theo người Tống, tàu biển nước ngoài đến Quảng Châu thực sự không nhiều lắm²⁴. Nhà Tống cho tri Quảng Châu và Quảng Đông chuyển vận sứ cố gắng khuyến khích tàu nước ngoài qua lại. Hơn nữa chế độ Quảng Châu thị bách ty cũng ngày càng mục nát. Vì vậy, trong khi làm ở Quảng Châu, Dư Tĩnh tích cực cải cách chế độ giao dịch, bãi bỏ quan thuế và cấm các quan viên không được tự do mua hàng hoá ngoại quốc để khuyến khích tàu ngoại thương sang Quảng Châu²⁵. Vậy ngoại thương Nam Hải có liên quan đến bang giao với Giao Chỉ như thế nào?

Trước nhà Tống, quan hệ đối ngoại của các triều đại Trung Quốc đều được cấu trúc bằng hai quan niệm, đó là giao dịch triều cống và chế độ sách phong. Đến đời Tống, những quan niệm đó vẫn tồn tại, nhưng tình hình quốc tế lúc đó đặc biệt khó khăn đối với nhà Tống, nên nhà Tống không thể thực hiện tốt chức năng của mình theo hai quan niệm đó. Thế kỷ X – XIII, chế độ ngoại thương quốc tế chủ yếu được cấu trúc bằng hoạt động tiên phong của “Hải thương”. Cho nên nhà Tống thường tạo quan hệ với nước ngoài nhờ ngoại thương dân gian. Theo nghiên cứu của một học giả người Nhật Bản, khi nào nhà Tống muốn đi biển để tiếp xúc với các nước trên thì thường tặng quan chức cho người buôn nào giao dịch thường xuyên với nước ấy và uỷ nhiệm người đó làm mối, hay là khiến cho cơ quan nào đó tuyển mộ người buôn rồi tặng quan chức cho người đó và làm người hướng

dẫn như trường hợp Lưu Phú²⁶. Vì thế, tình hình phát triển ngoại thương Nam Hải chắc có ảnh hưởng sâu sắc đến bang giao của nhà Tống. Vì vậy, nếu nhà Tống muốn thiết lập quan hệ mật thiết với Chiêm Thành để đánh Giao Chỉ, thì không thể không nhờ hoạt động của người buôn Nam Hải được. Vì vậy, các tri Quảng Châu như Dư Tĩnh và Trình Sư Mạnh đều tích cực khôi phục Quảng Châu và thu hút các người buôn Nam Hải. Khảo sát như thế, sự nghiệp khôi phục Quảng Châu sau cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao thì không chỉ phát triển thành Quảng Châu mà còn khôi phục tình trạng ngoại thương Nam Hải, do đó nhà Tống mới có chính sách tích cực với Giao Chỉ.

Kết luận

Tóm lại, cuộc vây thành Quảng Châu của Nùng Trí Cao bắt buộc nhà Tống phải cải tiến chế độ chi phối vùng Lĩnh Nam. Quảng Châu là đô thị hải cảng quan trọng nhất của Trung Quốc, nên nhà Tống phải tích cực khôi phục Quảng Châu cũng như chi phối biên giới Quảng Tây mạnh mẽ. Trong quá trình khôi phục, những người tri châu tổ chức việc xây dựng đã tích cực tham khảo ý kiến của những người sống ở Quảng Châu, nhất là người buôn Nam Hải, thậm chí nhờ họ làm môi giới với các nước Nam Hải. Như thế, Quảng Châu dần dần trở lại hoạt động ngoại thương thịnh đạt, đóng một vai trò rất quan trọng trong mối bang giao Việt – Tống.

CHÚ THÍCH

- ¹ *Tục tư trị thông giám trường biên* (viết tắt là TB), Quyển 173, Hoàng Hựu năm thứ 4 (1052), tháng 7, ngày Nhâm Tuất.
- ² TB, Quyển 172, Hoàng Hựu năm thứ 4 (1052), tháng 5, ngày Bính Dần.
- ³ *Tống hội yếu tập cảo* (viết tắt là THY), Phương vực 9 – 27, Phần *Quảng Châu phủ thành*, Hoàng Hựu năm thứ 4 (1052), tháng 10, ngày 29.
- ⁴ TB, Quyển 174, Hoàng Hựu năm thứ 5 (1053), tháng 6, ngày Ất Mùi.
- ⁵ Nguyễn Nguyên, *Quảng Đông thông chí*, (viết tắt là QĐTC), quyển 206, kim thạch lược 8 tập lục. Thạch bia do Nguyên Giáng lập năm 1054, hiện nay có ở miếu Nam Hải thần, Quảng Châu, Trung Quốc.
- ⁶ QĐTC, quyển 206, kim thạch lược 8 tập lục. Thạch bia do Lữ Cư Giản lập năm 1067, hiện nay có ở miếu Nam Hải thần, Quảng Châu, Trung Quốc.
- ⁷ THY, Phương vực 9 – 27, Phần *Quảng Châu phủ thành*, Hy Ninh năm thứ 1 (1068), tháng 4, ngày 23. Về khởi nguyên của thành cổ, Dư Tĩnh trong *Hoà Đông chức phương kiến thị sơ đồ*

- Phiên Ngung thi chép*, “Nghìn năm vẫn tồn tại thành Việt cổ” (Dư Tĩnh, “*Võ khê tập*”, quyển 2, Luật thi).
- ⁸ THY, *Phương vực 9 – 27*, phần *Quảng Châu phủ thành*, Hy Ninh năm thứ 5 (1072), tháng 8, ngày 12.
 - ⁹ THY, *Phiên di 4 – 92*, phần *Đại Thực*, Hy Ninh năm thứ 5 (1072), tháng 6, ngày 21.
 - ¹⁰ *Vĩnh Lạc đại điển*, quyển 21984, Học 12, Trương Tiết (?), “*Quảng Châu phủ di học ký*” và *Trình Sư Mạnh*, “*Học điền ký*”.
 - ¹¹ *Vĩnh Lạc đại điển*, quyển 21984, Học 12, *Trình Sư Mạnh*, “*Học điền ký*”.
 - ¹² *Khánh Hy Nam Hải huyện chí*, quyển 5, *Tuyên cử chí* chép Lưu Phú trở thành “*Hương cống tiến sỹ*”.
 - ¹³ TB, quyển 271, Hy Ninh năm thứ 8, tháng 12, ngày Quý Sửu và quyển 290, Nguyên Phong năm thứ 1 (1078), tháng 7, ngày Đinh Sửu.
 - ¹⁴ *Vĩnh Lạc đại điển*, quyển 21984, Học 12, *Trình Sư Mạnh*, “*Học điền ký*”.
 - ¹⁵ THY, *Sùng nho 2 – 12*, phần *Quảng Châu phủ thành*, Sùng Ninh năm thứ 4, tháng 8, ngày 28.
 - ¹⁶ Theo sử tịch Quảng Châu thành phưong chí chép, quán Thiên Khánh ở Quảng Châu vốn là một ngôi chùa được đổi tên từ chùa Khai Nguyên mà Đường Huyền Tông ra chiếu xây dựng.
 - ¹⁷ Văn bia “*Quảng Đông trùng tu Thiên Khánh ký*” được phát hiện và giới thiệu trong những năm 1960. *Tuyên Thống Nam Hải huyện chí*, quyển 12, kim thạch lược 1 tập lục. Nghiên cứu về văn bia đã có [Tan 1964], [Đái 1977], [Fukami 1987; 2006] v.v...
 - ¹⁸ *Thiên hạ quân quốc lợi bệnh thư*, phần *Tam Phật Tề*, *Quảng Châu cựu chí*.
 - ¹⁹ Về quá trình sự kiện đó xem TB, quyển 192, Gia Hựu năm thứ 5, tháng 8, ngày Ất Hợi, *Đại Việt sử lược*, quyển 2 và *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 3, năm Canh Tý (1060). Và Lý Nhật Tôn viết thư cho nhà Tống là xem THY, *Phiên di 4 – 34*, phần *Giao Chỉ*, Gia Hựu năm thứ 7, tháng Giêng.
 - ²⁰ [Momoki 1990].
 - ²¹ THY, *Phiên di 4 – 61 ~ 65*, phần *Chiêm Thành*, Kiến Long năm thứ 1 đến Đoạn Cung năm thứ 1. Ký lục hiến cống bắt đầu là năm 960. Nạn dân đến Quảng Đông là năm 986, 987 và 988.
 - ²² TB, quyển 157, Khánh Lịch năm thứ 5, tháng 12, ngày Bính Thìn và quyển 158, Khánh Lịch năm thứ 6, tháng 3, ngày Kỷ Sửu. Và THY, *Phiên di 4 – 32*, phần *Giao Chỉ*, Khánh Lịch năm thứ 6, tháng 3.
 - ²³ *Võ Khê chí*, quyển 15, *Biểu*, “*Quảng Châu Tạ Thượng biểu*”.
 - ²⁴ THY, *Chức quan 44 – 4*, *Thiên Thánh* năm thứ 6, tháng 7, ngày 16 chép “*Chiếu*, Quảng Châu đạo này ít khi tàu phiên đến. Làm cho châu này cùng với chuyển vận sứ chiêu an họ”.
 - ²⁵ *Vạn Lịch Việt đại ký*, quyển 9, loại quan tịch, truyện *Dư Tĩnh*.
 - ²⁶ [Kondo 2001], [Morita 2001]. Theo [Kondo 2001], nhà Tống thiết lập quan hệ với Cao Lệ là nhờ người buôn ở Tuyên Châu.